

Sử dụng hợp lý tác phẩm nhằm mục đích giảng dạy - Kinh nghiệm quốc tế và một số kiến nghị cho Việt Nam

ThS. Trần Thu Trang

Trường Đại học Kiên Giang

ThS. Nguyễn Trần Anh Thư

Trường Đại học Võ Trường Toản

18:07 | 17/01/2026

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số, sao chép và sử dụng tác phẩm có bản quyền ngày càng trở nên phổ biến, nhận thức về vấn đề quyền tác giả đang trở thành chủ đề cấp thiết và được quan tâm sâu sắc trong lĩnh vực giáo dục. Mặc dù vậy, việc thực thi các quy định pháp luật trên thực tế về quyền sử dụng hợp lý tác phẩm còn tồn tại một số hạn chế, bất cập. Nghiên cứu phân tích quy định pháp luật và thực trạng quyền sử dụng hợp lý tác phẩm nhằm mục đích giảng dạy của một số quốc gia, từ đó, đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

Từ khóa: sử dụng hợp lý; giảng dạy; tác phẩm; quyền tác giả; ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả.

Abstract: In the context of digital transformation, copying and using copyrighted works is becoming more and more popular, awareness of copyright issues is becoming an urgent and deeply concerned topic in the field of education. However, the implementation of legal regulations on the right to rational use of works still has some limitations and shortcomings in the practice. The study analyzes legal regulations and the current status of the right to rational use of works for teaching purposes in some countries, thereby proposing some recommendations to improve Vietnamese law on this issue.

Keywords: Rational use; teaching; works; copyright; exceptions to copyright infringement.

Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, việc khai thác và sử dụng các tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả (tài liệu, tác phẩm có bản quyền) trở nên thiết yếu và phổ biến trong hoạt động giảng dạy và học tập. Nhu cầu sử dụng trích đoạn, tư liệu như sách, video, hình ảnh, tài liệu học thuật..., để tích hợp vào bài giảng, trình chiếu (slide), giáo trình là vô cùng lớn. Tuy nhiên, vấn đề thực tế đặt ra, làm thế nào để sử dụng hợp lý tác phẩm phục vụ giảng dạy mà không xâm phạm quyền tác giả. Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2022 (Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 của Việt Nam) quy định sử dụng

hợp lý tác phẩm để minh họa trong bài giảng, ấn phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng nhằm mục đích giảng dạy thuộc một trong các trường hợp ngoại lệ, không xâm phạm quyền tác giả. Nghiên cứu phân tích khái niệm sử dụng hợp lý trong giáo dục và một số bất cập trong quy định pháp luật Việt Nam, đồng thời, so sánh với kinh nghiệm quốc tế, từ đó, đề xuất một số khuyến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam theo hướng hài hòa giữa bảo vệ quyền tác giả và quyền của người sử dụng tác phẩm cũng như bảo đảm phát triển giáo dục.

1. Khái niệm và điều kiện sử dụng hợp lý tác phẩm nhằm mục đích giảng dạy

1.1. Khái niệm

Sử dụng hợp lý tác phẩm nhằm mục đích giảng dạy được xem là trường hợp ngoại lệ, không xâm phạm quyền tác giả, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005. Trong quá trình giảng dạy, người dạy được phép sử dụng tác phẩm có bản quyền (sách, bài báo, giáo trình, hình ảnh, video...) mà không cần sự cho phép của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm và không phải trả tiền bản quyền, tuy nhiên, phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm. Qua đó, tác giả, chủ sở hữu tác phẩm cho phép người khác khai thác, sử dụng tác phẩm mà không phải xin phép, có thể không phải trả các lợi ích vật chất và việc khai thác, sử dụng này phải bảo đảm trong phạm vi nhất định, với những lý do chính đáng, những điều kiện thỏa đáng mà không ảnh hưởng tới tác giả[1]. Điều này tạo sự cân bằng, hài hòa giữa quyền lợi của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả và công chúng trong việc sáng tạo, khai thác, sử dụng tác phẩm, mà tác phẩm là kết quả của hoạt động sáng tạo trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học đã được ấn định trên một hình thái vật chất hoặc đã được thể hiện ra bên ngoài thông qua hình thức nhất định[2].

Như vậy, sử dụng hợp lý tác phẩm nhằm mục đích giảng dạy là việc người dạy được phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tác phẩm đã được pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả bảo hộ trong quá trình giảng dạy mà không cần xin phép tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả và bảo đảm thỏa mãn các điều kiện pháp luật quy định. Việc sử dụng hợp lý không được xâm phạm các quyền nhân thân của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

1.2. Điều kiện

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, trường hợp sử dụng hợp lý tác phẩm phải thỏa mãn những điều kiện chung sau:

Thứ nhất, đối tượng được sử dụng phải là tác phẩm đã công bố. Công bố tác phẩm phải thỏa mãn các yếu tố quy định tại khoản 3 Điều 14 [Nghị định số 17/2023/NĐ-CP](#) ngày 26/4/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan (Nghị định số 17/2023/NĐ-CP): (i) bản sao tác

phẩm được phát hành đến công chúng, “sẵn có” để người có nhu cầu tiếp cận với tác phẩm, không phân biệt hình thức và cách thức tạo ra; (ii) số lượng bản sao đủ để đáp ứng nhu cầu tiếp cận tác phẩm của công chúng, tùy thuộc đặc trưng của từng loại hình tác phẩm; (iii) được sự đồng ý của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

Thứ hai, hành vi sử dụng tác phẩm phải thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 25, khoản 3 Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005. Theo đó, những trường hợp được coi là sử dụng tự do (free uses) hay sử dụng hợp lý (fair uses) sẽ không phải xin phép và trả tiền cho chủ sở hữu quyền tác giả[3]. Tuy nhiên, việc sử dụng này không áp dụng cho tác phẩm kiến trúc, mỹ thuật, chương trình máy tính; không làm tuyển tập, hợp tuyển.

Thứ ba, việc sử dụng tác phẩm phải đáp ứng các yếu tố quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, cụ thể: không được mâu thuẫn với việc khai thác bình thường tác phẩm và không gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 26 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP quy định chi tiết về điều kiện áp dụng trường hợp này. Cụ thể: (i) tác phẩm chưa được định hình để minh họa trong bài giảng, cuộc biểu diễn phải bảo đảm chỉ sử dụng trong phạm vi buổi học của cơ sở giáo dục và chỉ người học, người dạy trong buổi học đó có thể tiếp cận tác phẩm. Trường hợp sử dụng tác phẩm trong đề thi, đáp án kiểm tra kiến thức, kỹ năng trong hệ thống giáo dục quốc dân thì có thể sử dụng theo mức độ cần thiết; (ii) việc sử dụng tác phẩm không gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

Ngoài ra, việc sử dụng tác phẩm nhằm mục đích giảng dạy còn phải đáp ứng điều kiện của trích dẫn hợp lý[4]. Việc trích dẫn phải đáp ứng các điều kiện sau[5]: (i) nhằm mục đích giới thiệu, bình luận hoặc làm sáng tỏ vấn đề được đề cập trong tác phẩm của mình; (ii) không gây thiệt hại bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả của tác phẩm được sử dụng để trích dẫn; phù hợp với tính chất, đặc điểm của loại hình tác phẩm được sử dụng để trích dẫn; (iii) kèm theo chỉ dẫn về nguồn gốc tác phẩm và tên tác giả, nếu tên tác giả được nêu trên tác phẩm sử dụng để trích dẫn.

2. Lý thuyết về sử dụng hợp lý tác phẩm nhằm mục đích giảng dạy

2.1. Lý thuyết về quyền tự nhiên và lợi ích công cộng trong quyền tác giả

Góc nhìn của học thuyết quyền tự nhiên (Natural Rights Theory) cho rằng: “lao động của cơ thể anh ta, sản phẩm của đôi tay anh ta - hoàn toàn có thể nói - đích thị của anh ta”[6], cho nên, con người có quyền tự nhiên đối với sản phẩm lao động của mình. Khi cá nhân bỏ công sức sáng tạo để kết hợp với tài nguyên thiên nhiên, thì thành quả trở thành tài sản hợp pháp của họ. Sản phẩm trí tuệ là kết tinh của lao động sáng tạo cá nhân, nên tác giả

đương nhiên có quyền sở hữu tinh thần bẩm sinh đối với tác phẩm. Song song đó, tác giả, chủ sở hữu phải nhận được những lợi ích về tinh thần và kinh tế khi các chủ thể khác khai thác, sử dụng tác phẩm của họ. Tuy nhiên, quyền tác giả chỉ được bảo hộ trong chừng mực nhất định, để phục vụ lợi ích công cộng và thúc đẩy sự phát triển chung của xã hội. Đây là nền tảng lý thuyết để chính danh hóa quyền sở hữu trí tuệ, trong đó có quyền tác giả[7].

Cùng với đó, tri thức, văn hóa, khoa học cũng được nhiều học giả coi là tài sản chung của nhân loại (common heritage of mankind)[8]. Các thành quả này cần được chia sẻ, kế thừa, lan tỏa và phát triển, thay vì độc quyền tuyệt đối, đặc biệt, trong lĩnh vực giáo dục, bởi giáo dục được coi là công cụ phân phối tri thức cơ bản nhất, là lĩnh vực mà lợi ích công cộng cần được ưu tiên hàng đầu. Do đó, Nhà nước đặt ra ngoại lệ đối với độc quyền tác giả, cho phép sử dụng hợp lý trong giảng dạy, nhằm bảo đảm sự cân đối giữa quyền tác giả và lợi ích xã hội. Trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, học thuyết này là cơ sở để xây dựng các ngoại lệ và giới hạn quyền tác giả, nhằm bảo đảm cộng đồng được tiếp cận tri thức và phát triển. Đặc biệt, giảng dạy là hoạt động phục vụ lợi ích công cộng được thể hiện rõ rệt.

2.2. Lý thuyết về sự cân bằng giữa lợi ích của chủ sở hữu quyền tác giả và lợi ích công cộng

Pháp luật công nhận và bảo vệ quyền của tác giả, chủ sở hữu đối với thành quả sáng tạo của họ. Việc trao cho tác giả, chủ sở hữu quyền độc quyền (gồm quyền được hưởng lợi tài chính và quyền kiểm soát việc sử dụng tác phẩm) tạo ra động lực kinh tế mạnh mẽ, khuyến khích hoạt động sáng tạo, đầu tư vào văn hóa và khoa học. Tuy nhiên, nếu độc quyền được bảo hộ tuyệt đối và không bị hạn chế sẽ dẫn đến những ảnh hưởng nghiêm trọng: (i) tăng chi phí khai thác, cản trở khả năng tiếp cận của công chúng đối với tri thức, văn hóa và khoa học; (ii) hạn chế các chủ thể khác tiếp tục sáng tạo, đổi mới trên nền tảng tri thức đã có, kìm hãm quá trình phát triển kinh tế - xã hội; (iii) cản trở hoạt động cạnh tranh lành mạnh và kìm hãm các giao lưu dân sự[9].

Mặt khác, xã hội có nhu cầu thiết yếu được tiếp cận tri thức, văn hóa, khoa học để duy trì sự phát triển bền vững. Trong đó, giáo dục và nghiên cứu khoa học là con đường cơ bản nhất để phổ biến tri thức, nâng cao dân trí và thúc đẩy tiến bộ xã hội. Nhu cầu phát triển giáo dục, khoa học đòi hỏi phải bảo đảm tự do tiếp cận tri thức như một lợi ích công cộng cốt lõi. Nếu việc giảng dạy và nghiên cứu bị cản trở bởi chi phí bản quyền quá cao, mục tiêu phát triển nguồn nhân lực và tiến bộ xã hội sẽ khó đạt hiệu quả.

Nếu pháp luật bảo vệ quyền tác giả một cách tuyệt đối, đến mức cản trở việc giảng dạy và học tập, thì lợi ích công cộng sẽ bị tổn hại. Ngược lại, nếu ai cũng có thể tự do sử dụng tác phẩm mà không trả tiền bản quyền, thì động lực sáng tạo của tác giả sẽ bị suy giảm. Vì thế, quy định về “sử dụng hợp lý” tác phẩm ra đời như một công cụ để tìm điểm cân bằng tối

ưu giữa hai lợi ích này, nhất là trong môi trường giáo dục, nhằm dung hòa giữa động lực sáng tạo cá nhân và nhu cầu phát triển xã hội.

2.3. Lý thuyết về sự công bằng và không gây thiệt hại bất hợp lý cho chủ thể quyền tác giả

Nguyên tắc “sử dụng hợp lý” tác phẩm không đồng nghĩa với việc cho phép sử dụng tùy tiện hay lạm dụng tác phẩm của người khác, mà được giới hạn bởi nguyên tắc công bằng hai chiều. Một mặt, việc sử dụng nhằm mục đích giảng dạy phải vì mục đích phi thương mại, chủ yếu phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, không vì lợi ích kinh doanh, từ đó, làm giảm tính chất “bóc lột” đối với tác phẩm. Mặt khác, mức độ sử dụng phải hợp lý về phạm vi và tính chất, ví dụ việc trích dẫn một phần thay vì toàn bộ tác phẩm sẽ được coi là hợp lý vì nó không thay thế được nhu cầu mua bản gốc và không gây thiệt hại bất hợp lý cho lợi ích kinh tế của tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả. Nguyên tắc này phản ánh tinh thần của học thuyết “fair use” trong pháp luật Hoa Kỳ và “fair dealing” trong pháp luật Anh, đồng thời, cũng được nội luật hóa trong pháp luật Việt Nam thông qua Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.

3. Pháp luật một số quốc gia về sử dụng hợp lý tác phẩm nhằm mục đích giảng dạy

3.1. Tại Hoa Kỳ

Điều 107 Luật Bản quyền Hoa Kỳ năm 1976 quy định về học thuyết “fair use” (sử dụng hợp lý) - một ngoại lệ quan trọng và linh hoạt, cho phép sử dụng tác phẩm đã bảo hộ mà không cần xin phép, nếu thỏa mãn 04 điều kiện:

- Mục đích sử dụng: Mục đích sử dụng mang bản chất thương mại hay phi thương mại. Việc sử dụng có chuyển đổi hay thay đổi tác phẩm gốc bằng cách thêm ý nghĩa, ngữ cảnh hoặc từ ngữ mới không, nhằm xác định việc sử dụng mang tính thương mại hay hoàn toàn cá nhân. Việc sử dụng mang tính thương mại hoặc lợi nhuận ít có khả năng được coi là sử dụng hợp lý.

- Bản chất tác phẩm: Việc sử dụng các tác phẩm mang tính thực tế, cơ sở dữ liệu (như sách giáo khoa, hướng dẫn) có xu hướng được coi là hợp lý hơn so với việc sử dụng các tác phẩm mang tính sáng tạo cao (như thơ, phim ảnh, tiểu thuyết).

- Phần trích lược: Số lượng, phạm vi được sử dụng so với toàn bộ tác phẩm có bản quyền. Việc sử dụng các phần nhỏ của tác phẩm có bản quyền có nhiều khả năng là sử dụng hợp lý hơn so với việc sao chép toàn bộ tác phẩm. Tuy nhiên, ngay cả khi sử dụng một phần nhỏ, nếu phần được sử dụng là đoạn trọng tâm quan trọng nhất của tác phẩm, thì việc sử dụng đó ít có khả năng được coi là hợp lý.

- Ảnh hưởng đến thị trường gốc: Việc sử dụng phải không gây tổn hại bất hợp lý cho lợi ích kinh tế của chủ thể quyền. Cụ thể, việc sử dụng phải không thay thế được tác phẩm gốc đến mức làm người tiêu dùng ngừng mua tác phẩm có bản quyền. Nếu hành động sao chép làm suy giảm đáng kể thị trường tiềm năng của tác phẩm, hành vi đó ít có khả năng được coi là sử dụng hợp lý.

Thực tế có nhiều vụ tranh chấp về sử dụng hợp lý tác phẩm trong hoạt động giảng dạy tại Hoa Kỳ. Chẳng hạn vụ án Macmillan Co. kiện King[10] năm 1914 là một ví dụ điển hình về việc áp dụng Fair Use trong giáo dục. Vụ việc liên quan đến một gia sư ở Harvard photocopy và ghi chú dài một trang từ sách giáo khoa để đưa cho mỗi học sinh ôn thi. Tòa án đã phán quyết đây là “fair use” vì: (i) mục đích sử dụng phi thương mại và nội bộ (chỉ sao chép cho học sinh, không bán); (ii) ghi chú chỉ đóng vai trò hỗ trợ, không thay thế sách gốc.

Hoa Kỳ áp dụng nguyên tắc mở, cho phép Tòa án linh hoạt đánh giá theo hoàn cảnh từng vụ việc dựa trên 04 yếu tố trên. Thực tiễn xét xử cho thấy việc sử dụng có chọn lọc, số lượng nhỏ, phục vụ trực tiếp cho bài giảng nội bộ và không thay thế bản gốc là cơ sở quan trọng để Tòa án công nhận việc sử dụng hợp lý tác phẩm nhằm mục đích giảng dạy.

3.2. Tại Anh

Pháp luật Anh áp dụng cơ chế “fair dealing” (xử lý công bằng) và được quy định trong Đạo luật Bản quyền, kiêu dáng và sáng chế năm 1988 của Vương quốc Anh (CDPA)[11]. Khác với Fair Use của Hoa Kỳ, Fair Dealing của Anh là một danh sách đóng các ngoại lệ được liệt kê cụ thể, có giới hạn nghiêm ngặt. CDPA quy định rõ ràng các điều kiện cho việc sử dụng tác phẩm vì mục đích giảng dạy, tiêu biểu là: (i) Điều 32 CDPA cho phép sử dụng trích đoạn từ tác phẩm để “minh họa cho giảng dạy” nếu mục đích sử dụng không vì lợi nhuận, mức độ trích dẫn hợp lý, không vượt quá “phần cần thiết để minh họa bài giảng” và việc sử dụng không gây tổn hại đáng kể đến thị trường hoặc doanh thu bản gốc; (ii) Điều 34 CDPA quy định cho phép trình chiếu video, nhạc, hình ảnh trong lớp học, nếu chỉ phục vụ sinh viên và nhân viên trong trường; (iii) Điều 36 CDPA quy định trường học được phép sao chép một phần tác phẩm (không quá 5%) mỗi năm học, với điều kiện phải có giấy phép với tổ chức cấp phép bản quyền và nội dung được phân phối nội bộ trong lớp học hoặc trường học.

Ví dụ trong vụ Moorhouses Ltd v. Chancellor Masters and Scholars of the University of Oxford năm 2015 EWHC 3075 (Ch), Tòa án đã phán quyết rằng, việc sao chép một phần nhất định của một cuốn sách học thuật cho mục đích nghiên cứu và giảng dạy được coi là fair dealing theo Điều 32 CDPA[12]. Phán quyết của Tòa án củng cố nguyên tắc sao chép có giới hạn vì mục đích giáo dục là phù hợp với “fair dealing” và giảng viên, thư viện đại

học có thể yên tâm sử dụng các trích đoạn nhỏ từ tài liệu chuyên môn để hỗ trợ bài giảng hoặc khóa học.

3.3. Tại Nhật Bản

Nhật Bản có hệ thống ngoại lệ bản quyền giáo dục rất rõ ràng và chi tiết được quy định tại Luật Bản quyền Nhật Bản năm 1970[13]. Cụ thể, Điều 33 quy định về in ấn tác phẩm trong sách giáo khoa, cho phép in tác phẩm đã công bố vào sách giáo khoa nếu cần thiết cho giáo dục, với điều kiện phải thông báo và trả tiền thù lao cho chủ thể quyền theo quy định. Cùng với đó, Điều 34 quy định về phát sóng chương trình giáo dục trong trường học, cho phép phát hoặc truyền nội dung cho mục đích giáo dục theo chương trình khung, với điều kiện phải thông báo và trả thù lao cho chủ thể quyền theo quy định. Ngoài ra, Điều 35 quy định về sao chép trong trường học và các cơ sở giáo dục khác và các vấn đề liên quan, cho phép người dạy và người học tại các tổ chức không vì mục đích thương mại được sao chép nội dung đã công bố “theo mức cần thiết” cho mục đích dạy và học, miễn là không gây tổn hại đáng kể đến quyền tác giả. Ngoại lệ này bao gồm cả việc sao chép, sử dụng trực tiếp trong lớp học truyền thống và các buổi học trực tuyến.

Vụ án do Tòa tối cao Nhật Bản thụ lý tranh chấp giữa nhiều trường nhạc (bao gồm Yamaha Music) và tổ chức thu bản quyền JASRAC về việc thu phí biểu diễn trong lớp học (2017 - 2022). Tòa án phán quyết rằng học sinh luyện tập nhạc trong lớp học không cấu thành hành vi biểu diễn công cộng, nên không phải trả phí bản quyền[14]; các buổi biểu diễn của giáo viên nhằm mục đích nâng cao kỹ năng cho học sinh (như một phần trong dịch vụ dạy học chuyên nghiệp) có thể xem là biểu diễn công cộng và phải trả phí[15]. Vụ án này giúp xác định ranh giới pháp luật giữa “biểu diễn công cộng” và “hành động phục vụ quá trình học tập”, cũng như củng cố nguyên tắc “giáo dục phi thương mại” luôn thuộc phạm vi pháp luật bảo vệ.

Hệ thống pháp luật Nhật Bản quy định về sử dụng tác phẩm vì mục đích giảng dạy được đánh giá là rõ ràng, minh bạch nhờ các quy định cụ thể về phạm vi, đối tượng sử dụng, cũng như cơ chế trả thù lao hợp lý trong một số trường hợp (như in trong sách giáo khoa). Tuy nhiên, so với mô hình “fair dealing” của Anh và “fair use” ở Hoa Kỳ, pháp luật Nhật Bản mang tính đóng và liệt kê - tức là chỉ cho phép sử dụng trong những trường hợp nhất định được nêu cụ thể trong luật. Điều này bảo đảm tính chắc chắn pháp lý nhưng đôi khi thiếu linh hoạt, đặc biệt khi dạy học trực tuyến ngày càng phát triển.

4. Thực trạng quy định pháp luật Việt Nam về sử dụng hợp lý tác phẩm nhằm mục đích giảng dạy và một số bất cập

Trong quá trình giảng dạy hiện nay, nhất là tại các trường đại học và cơ sở đào tạo, giảng viên thường xuyên sử dụng các loại tài liệu có bản quyền như: hình ảnh, bài báo khoa học, sách chuyên khảo (scan[16]/chụp), video, tài liệu từ internet, giáo trình,... để minh họa cho bài giảng hoặc cung cấp cho sinh viên qua hệ thống quản lý học tập (LMS[17]), email lớp hoặc nhóm Zalo/Zoom. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai gặp nhiều lúng túng do thiếu quy định pháp luật rõ ràng. Một số vấn đề phổ biến người dạy thường gặp phải như: (i) không rõ mức độ trích dẫn “hợp lý” là bao nhiêu để được xem là sử dụng hợp lý; (ii) khi trích dẫn từ internet (bài blog, tạp chí điện tử, báo mạng,...) có cần xin phép quyền tác giả hay không?

Thực trạng trên cho thấy quy định về trường hợp sử dụng hợp lý tác phẩm vì mục đích giảng dạy trong Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 còn tồn tại một số bất cập, cụ thể:

Một là, hạn chế về số lượng bản sao.

Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 cho phép cá nhân tự sao chép một bản duy nhất tác phẩm đã công bố mà không cần xin phép hay trả tiền nhuận bút, nếu nhằm mục đích nghiên cứu, giảng dạy cá nhân. Tuy nhiên, quy định này có phần không phù hợp với môi trường lớp học có nhiều người học. Nếu người dạy gửi file PDF (Portable Document Format - định dạng tài liệu) cho cả lớp thì rõ ràng vượt quá giới hạn “một bản” và có thể bị xem là vi phạm. Với trường hợp là lớp học trực tuyến, người dạy thường phải tải lên LMS hoặc gửi qua email, điều này, chưa được pháp luật điều chỉnh bao quát. Dẫn đến tình trạng người dạy tự “né luật” bằng cách gửi link tạm thời hay cắt nhỏ từng phần tài liệu, ảnh hưởng đến chất lượng và tính hệ thống của bài giảng.

Mặc dù, Nghị định số 17/2023/NĐ-CP có bước tiến khi quy định cụ thể các hành vi sử dụng hợp lý tác phẩm vì mục đích giảng dạy (Điều 26), giới hạn ở “phạm vi buổi học” và chỉ áp dụng cho người tham gia buổi giảng, nhưng vẫn chưa gỡ bỏ hạn chế “một bản” trong Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005. Do đó, việc sao chép hoặc chia sẻ tài liệu đa bản cho toàn lớp qua các nền tảng kỹ thuật số vẫn chưa được luật hóa, tiềm ẩn rủi ro pháp lý cho cơ sở giáo dục và người dạy.

Hai là, thiếu quy định về tỷ lệ nội dung được phép trích dẫn.

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 không quy định rõ tỷ lệ phần trăm tối đa có thể được sử dụng, trích dẫn mà không cần xin phép. Điều này tạo tâm lý hoang mang cho người dạy khi không có căn cứ cụ thể để xác định hành vi nào là hợp pháp. Ngoài ra, luật không có cơ chế chuẩn hóa như “fair use” (Hoa Kỳ - 04 yếu tố) hay “fair dealing” (Anh - 05% hoặc 1 chương) gây khó khăn cho cả người dạy và cơ sở đào tạo.

Ba là, chưa có quy định riêng về giảng dạy trong môi trường số.

Pháp luật Việt Nam chưa có điều khoản riêng về ngoại lệ quyền tác giả trong giảng dạy trực tuyến. Bởi, thực tế còn nhiều vấn đề không rõ ràng như: việc người dạy chiếu slide chứa hình ảnh bản quyền khi thuyết trình trên lớp; bài giảng ghi hình và đăng lại trên YouTube của trường; scan toàn bộ bài báo để người học tải về. Điều này làm cho cả người dạy và người học lo lắng về tính hợp pháp của các hành vi khai thác tác phẩm.

Bốn là, chưa quy định rõ phạm vi giảng dạy.

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Nghị định số 17/2023/NĐ-CP chỉ nêu ngoại lệ cho “mục đích giảng dạy” nhưng chưa đưa ra định nghĩa pháp lý về “giảng dạy” dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau. Hoạt động giảng dạy chỉ bao gồm hoạt động trong nhà trường chính quy, hay còn bao trùm cả đào tạo nghề, bồi dưỡng ngắn hạn, các khóa học trực tuyến mở, hay đào tạo nội bộ trong doanh nghiệp. Sự thiếu vắng định nghĩa này có thể làm cho phạm vi “giảng dạy” bị hiểu hẹp (chỉ trong lớp học chính quy), không bao quát thực tiễn giáo dục hiện đại vốn đa dạng và linh hoạt, dẫn đến việc áp dụng tùy nghi, gây khó khăn cho cả cơ sở giáo dục và giảng viên.

Nghiên cứu kinh nghiệm pháp luật của một số quốc gia cho thấy xu hướng ngược lại. Tại Hoa Kỳ, Đạo luật TEACH Act năm 2002[18] đã khẳng định, hoạt động giảng dạy bao gồm cả đào tạo từ xa và trực tuyến, miễn là được thực hiện bởi các cơ sở giáo dục được công nhận và không vì mục đích thương mại. Tại Liên minh châu Âu (EU), Chỉ thị 2019/790/EU[19] mở rộng phạm vi sang môi trường kỹ thuật số xuyên biên giới, cho phép cơ sở đào tạo hợp pháp sử dụng tác phẩm cho bài học trực tuyến. Như vậy, pháp luật Việt Nam đang đi sau trong việc định hình khái niệm giảng dạy phù hợp với thực tiễn.

5. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam

Trên cơ sở phân tích một số bất cập của pháp luật Việt Nam hiện hành và tham khảo kinh nghiệm từ mô hình pháp luật Hoa Kỳ, Anh, Nhật Bản, nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam, cụ thể: ‘

Thứ nhất, bỏ hoặc hạn chế số lượng “một bản duy nhất”.

Sửa đổi, bổ sung Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 theo hướng cho phép sao chép, phân phối đa bản trong phạm vi lớp học, khóa học hoặc chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục, miễn là không nhằm mục đích thương mại. Bên cạnh đó, cần quy định rõ việc sao chép hay chia sẻ qua LMS, email, nhóm học tập trực tuyến được coi là sử dụng hợp lý, nếu chỉ phục vụ người học trong khóa học đó.

Thứ hai, có hướng dẫn về số lượng và tỷ lệ sao chép, trích dẫn.

Bổ sung quy định định lượng tại Điều 25 hoặc Điều 32 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và hướng dẫn cụ thể trong văn bản dưới luật theo hướng: (i) cho phép sao chép tối đa 10% trên tổng số trang hoặc 01 chương đối với tài liệu học thuật phục vụ giảng dạy, kể cả tài liệu in ấn và tài liệu điện tử; (ii) không quá 05% hoặc 10 phút đối với tác phẩm nghe nhìn (phim, video); (iii) không quá 01 bài trong tuyển tập hoặc tạp chí định kỳ; (iv) cần ghi rõ nguồn, tác giả khi sử dụng, trích dẫn.

Thứ ba, xây dựng quy định riêng về giảng dạy trong môi trường kỹ thuật số.

Luật chưa có cơ chế đặc thù cho giảng dạy trực tuyến (e-learning) và các hoạt động như ghi hình, truyền trực tuyến bài giảng có sử dụng tác phẩm. Vì vậy, cần xây dựng quy định riêng về giảng dạy trong môi trường kỹ thuật số.

Sửa đổi, bổ sung Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 hoặc Nghị định số 17/2023/NĐ-CP quy định rõ việc chiếu, trình bày tác phẩm trước lớp học trực tuyến, chia sẻ tài liệu học qua hệ thống LMS nội bộ (không công khai) thuộc trường hợp “sử dụng hợp lý”, gồm: (i) được phép trình chiếu, phát trực tuyến tác phẩm để giảng dạy, miễn là trong hệ thống LMS, Zoom, Google Meet... có kiểm soát người học; (ii) được phép ghi hình bài giảng có trích dẫn tác phẩm, nhưng chỉ đăng tải trên nền tảng nội bộ của trường, không phổ biến công khai trên Internet; (iii) cho phép scan, tải lên tài liệu có bản quyền nhưng phải giới hạn phạm vi truy cập (chỉ sinh viên của khóa học); (iv) điều kiện là người học phải thuộc nhóm nội bộ xác định, không vì mục đích thương mại và không làm thay đổi nội dung gốc.

Thứ tư, cần định nghĩa rõ khái niệm “giảng dạy”.

Sửa đổi, bổ sung khái niệm “giảng dạy” trong Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 theo hướng “giảng dạy” là các hoạt động giáo dục chính quy và phi chính quy, trực tiếp và trực tuyến, nhằm phù hợp với xu hướng giáo dục mở và học tập suốt đời. Khái niệm này có thể tham chiếu theo hướng của Đạo luật TEACH Act năm 2002 và Chỉ thị 2019/790/EU nhưng cần gắn với điều kiện phi thương mại và phạm vi kiểm soát của từng cơ sở đào tạo.

Kết luận Việc sử dụng hợp lý tác phẩm phục vụ giảng dạy là xu thế tất yếu để thúc đẩy giáo dục mở và bảo đảm công bằng xã hội trong tiếp cận tri thức. Dù đã có bước tiến đáng kể, tuy nhiên, hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành còn tồn tại một số khoảng trống pháp lý. Do đó, để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và hội nhập quốc tế, pháp luật Việt Nam cần thực hiện chuyển đổi cơ chế từ quy định “đóng” sang “linh hoạt, có điều kiện”. Việc tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế và nội luật hóa để phù hợp với điều kiện văn hóa, kinh tế, xã hội và pháp luật của Việt Nam góp phần bảo đảm cân bằng hài hòa giữa quyền của tác giả và quyền của người sử dụng trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là trong hoạt động giảng dạy, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của giáo dục và khoa học công nghệ quốc gia./.

- [1]. Nguyễn Khánh Phương (2021), *Giới hạn quyền tác giả trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 82 - 87.
- [2]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 46.
- [3]. Vũ Hải Yến (2010), *Bàn về quy định của Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam về giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan*, Tạp chí Luật học, số 07, tr. 37.
- [4]. Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.
- [5]. Điều 28 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.
- [6]. Lê Tuấn Huy (2006), *John Locke - Khảo luận thứ hai về chính quyền - Chính quyền dân sự*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr. 63.
- [7]. Hughes, Justin (1988), *The Philosophy of Intellectual Property*, Georgetown Law Journal, Vol. 77, p. 287.
- [8]. Arvid Pardo (1967), *Speech to the United Nations General Assembly*, A/6695.
- [9]. Phạm Minh Huyền (2024), *Giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 37.
- [10]. Stanford Libraries, Macmillan Co. V. King, <https://fairuse.stanford.edu/law/cases/macmillan-co-v-king/>, truy cập ngày 14/7/2025.
- [11]. Copyright, Designs and Patents Act 1988, <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1988/48/contents>, truy cập ngày 14/7/2025.
- [12]. University of Essex (2022), *Copyright exceptions and limitations*, <https://www.studocu.com/en-gb/document/university-of-essex/intellectual-property-law/copyright-exceptions-and-limitations/45308646>, truy cập ngày 15/7/2025.
- [13]. Copyright Act (Act No. 48 of 1970), <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3379/en>, truy cập ngày 13/7/2025.
- [14]. Kazuhiro Toyama (2022), *Japan's top court rules music school students don't have to pay copyright fees*, <https://mainichi.jp/english/articles/20221025/p2a/00m/0et/023000c>, truy cập ngày 14/7/2025.
- [15]. Clément Vérité (2022), *In Japan, music schools don't need to pay copyright fees for students who learn music, the Supreme Court rules*, <https://www.newsendip.com/in-japan->

music-schools-dont-need-to-pay-copyright-fees-for-students-to-learn-music-the-supreme-court-rules/, truy cập ngày 14/7/2025.

[16]. Cambridge Dictionary, Scan, <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/scan>, truy cập ngày 16/7/2025.

[17]. Paul Kirvan, Kate Brush (2024), What is a learning management system (LMS)?, <https://www.techtarget.com/searchcio/definition/learning-management-system>, truy cập ngày 16/7/2025.

[18]. Technology, Education, and Copyright Harmonization Act of 2002, <https://www.copyright.gov/legislation/pl1107-273.pdf#page=154>, truy cập ngày 07/9/2025.

[19]. Directive (EU) 2019/790 Of The European Parliament And Of The Council of 17 April 2019, https://eur-lex.europa.eu/eli/dir/2019/790/oj/eng?utm_source, truy cập ngày 07/9/2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arvid Pardo (1967), *Speech to the United Nations General Assembly*, A/6695.
2. Copyright Act (Act No. 48 of 1970), <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/3379/en>, truy cập ngày 13/7/2025.
3. Copyright, Designs and Patents Act 1988, <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1988/48/contents>, truy cập ngày 14/7/2025.
4. Clément Vérité (2022), *In Japan, music schools don't need to pay copyright fees for students who learn music, the Supreme Court rules*, <https://www.newsendip.com/in-japan-music-schools-dont-need-to-pay-copyright-fees-for-students-to-learn-music-the-supreme-court-rules/>, truy cập ngày 14/7/2025.
5. Directive (EU) 2019/790 Of The European Parliament And Of The Council of 17 April 2019, https://eur-lex.europa.eu/eli/dir/2019/790/oj/eng?utm_source, truy cập ngày 07/9/2025.
6. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
7. Hughes, Justin (1988), *The Philosophy of Intellectual Property*, Georgetown Law Journal, Vol. 77.
8. Lê Tuấn Huy (2006), *John Locke - Khảo luận thứ hai về chính quyền - Chính quyền dân sự*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.

9. Kazuhiro Toyama (2022), *Japan's top court rules music school students don't have to pay copyright fees*, <https://mainichi.jp/english/articles/20221025/p2a/00m/0et/023000c>, truy cập ngày 14/7/2025.
10. Nguyễn Khánh Phương (2021), *Giới hạn quyền tác giả trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
11. Phạm Minh Huyền (2024), *Giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
12. Paul Kirvan, Kate Brush (2024), *What is a learning management system (LMS)?*, <https://www.techtarget.com/searchcio/definition/learning-management-system>, truy cập ngày 16/7/2025.
13. Vũ Hải Yến (2010), *Bàn về quy định của Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam về giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan*, Tạp chí Luật học, Số 07.